

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 18 - 01 - 2021.
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Trịnh Văn Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: tổ dân phố NS, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: tổ dân phố TTH, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa, chị T và anh L đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T có quan điểm:

Chị và anh Vũ Văn L có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện của hai bên vào ngày 06/11/2014 tại Ủy ban nhân dân phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam sau thời gian tìm hiểu nhau được hơn 02 năm. Việc kết hôn cũng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau đó, vợ chồng chị chung sống hòa thuận và hạnh phúc cho đến năm 2019 thì vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do lối sống, cách sống, quan điểm sống của hai bên không còn phù hợp với nhau. Ngoài ra, anh L hay ghen tuông vô cớ với các mối quan hệ trong công việc của chị nên đã có những lời nói xúc phạm chị, thậm trí có lúc còn đánh đập chị nữa. Từ đó, vợ chồng chị luôn xảy ra cãi nhau và không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Do có nhiều mâu thuẫn đã khiến cho cuộc sống

chung luôn căng thẳng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng chị chấm dứt quan hệ vợ chồng và không quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, tình cảm chị dành cho anh L không còn và mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn L.

* Tại biên bản tự khai của anh Vũ Văn L có quan điểm: Anh cũng xác định về thời gian, địa điểm, trình tự, thủ tục, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng chung sống, sống ly thân như chị T trình bày. Anh cũng cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị T đi làm ở Công ty có những mối quan hệ bên ngoài, khi anh góp ý chị T không nghe nên từ đó vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Bản thân anh rất muốn đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con chung, nhưng nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh L thống nhất có 02 con chung là cháu Vũ Gia B, sinh ngày 07/4/2015 (con gái) và cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 03/7/2018 (con trai). Hiện nay cả hai bên anh chị vẫn đều cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng các con chung.

Quan điểm của chị T: Chị rất muốn nuôi cả 02 con chung nhưng nếu không được chị xin nuôi cháu Vũ Hải Đ, còn cháu Vũ Gia B giao cho anh L nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Quan điểm của anh L: Anh cũng rất muốn nuôi cả hai con chung nhưng nếu không được anh xin nuôi cháu Vũ Gia B, còn cháu Vũ Hải Đ giao cho chị T nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của chính quyền địa phương: Chị Trần Thị Thu T và anh Vũ Văn L hiện nay mỗi người sống mỗi nơi, nên khả năng đoàn tụ là khó, đề nghị Tòa án giải quyết về hôn nhân theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị T và anh L có hai con chung, hiện nay cả hai cháu đang ở nhà ông bà chị T, khi giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Chị Trần Thị Thu T và anh Vũ Văn L đều có đơn xin xử vắng mặt, chị T giữ nguyên quan điểm như đã khai tại tòa, anh L cũng giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai, tuy nhiên anh L nhất trí thuận tình ly hôn và đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Gia B, giao cháu Vũ Hải Đ cho chị T nuôi dưỡng.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Văn L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Anh L vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/12/2020 và phiên tòa ngày 05/01/2021, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 143; 144; 147; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T.

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Vũ Văn L.

- Về con chung: Giao anh L nuôi dưỡng cháu Vũ Gia B, sinh ngày 07/4/2015, giao chị T nuôi dưỡng cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 03/7/2018. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ và nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thu T có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn anh Vũ Văn L có nơi cư trú tại tổ dân phố TTH, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Chị Trần Thị Thu T và anh Vũ Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt các đương sự

tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu T và anh Vũ Văn L có đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện, thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị cũng có thời gian hơn 04 năm chung sống hòa thuận hạnh phúc thì sau đó phát sinh mâu thuẫn, do quan điểm sống bất đồng và vợ chồng anh chị hay xảy ra cãi nhau nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Quá trình ly thân thì hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên chị T có đơn xin ly hôn anh L. Anh L có quan điểm mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh L cũng nhất trí, và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Điều này chứng tỏ việc giải quyết ly hôn là giải pháp cả hai đều lựa chọn. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh L là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Vũ Gia B, sinh ngày 07/4/2015 (con gái) và cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 03/7/2018 (con trai). Xét nguyện vọng muốn được nuôi con chung của hai bên anh chị. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng muốn được nuôi con chung của chị T và anh L là chính đáng, hoàn toàn phù hợp với pháp luật. Xét điều kiện thực tế của hai bên anh chị hiện nay đều có đủ khả năng lao động, chăm sóc, nuôi dạy con chung. Do đó cần giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Gia B và chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Vũ Hải Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với nguyện vọng của chị T và anh L.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh L đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị T và anh L phải nộp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí thay cho anh L, nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị T.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Thu T và anh Vũ Văn L.

[2] về con chung: Giao anh Vũ Văn L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Vũ Gia B, sinh ngày 07/4/2015 (con gái), cho đến khi cháu Vũ Gia B trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao chị Trần Thị Thu T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 03/7/2018 (con trai), cho đến khi cháu Vũ Hải Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu T và anh Vũ Văn L mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn cho anh L. Như vậy chị Trần Thị Thu T phải nộp tổng cộng là 300.000 đồng, được đối trừ với 300.000 đồng mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004628 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh L vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên